



Ban kiểm soát

TP. Hồ Chí Minh, ngày tháng 04 năm 2023

BÁO CÁO BAN KIỂM SOÁT

CÔNG TY CỔ PHẦN HÓA – DƯỢC PHẨM MEKOPHAR TRÌNH ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG THƯỜNG NIÊN NĂM 2023

Kính gửi: ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG

- Căn cứ chức năng, nhiệm vụ và quyền hạn của Ban kiểm soát được quy định tại Luật Doanh nghiệp và Điều lệ tổ chức và hoạt động của Công ty Cổ phần Hóa - Dược phẩm Mekophar;
- Căn cứ Quy chế tổ chức và hoạt động của Ban Kiểm Soát Công ty Cổ phần Hóa - Dược phẩm Mekophar.

Sau khi đã tiến hành kiểm tra, kiểm soát các mặt hoạt động của Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2022, Ban kiểm soát Công ty Cổ phần Hóa - Dược phẩm Mekophar nhất trí thông qua Báo cáo của Ban kiểm soát trình Đại hội đồng cổ đông thường niên với các nội dung cụ thể như sau:

I. HOẠT ĐỘNG CỦA BAN KIỂM SOÁT

1. Nhân sự BKS

Ban kiểm soát gồm có 03 thành viên, gồm:

- Ông Nguyễn Viết Luận : Trưởng ban, từ ngày 24/04/2020.
- Ông Trần Trung Ngôn: Thành viên, từ ngày 24/04/2020.
- Ông Nguyễn Bá Khoa: Thành viên, từ ngày 24/04/2020.

2. Hoạt động của BKS

Trong năm, ngoài các hoạt động thường xuyên và các cuộc họp thường kỳ, BKS tham dự đầy đủ các cuộc họp của Hội đồng quản trị để nắm bắt tình hình hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty, tham gia đóng góp ý kiến trong việc thực hiện mục tiêu kế hoạch đã được Đại hội đồng cổ đông thông qua, cụ thể:

- Giám sát việc tuân thủ Pháp luật, Điều lệ, Quy chế quản trị, Quy chế trong quản lý, điều hành hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty.
- Kiểm soát việc thực hiện Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông năm 2022, và các nghị quyết của Hội đồng quản trị (HĐQT).
- Kiểm tra Báo cáo tài chính soát xét 6 tháng, Báo cáo tài chính kiểm toán năm 2022.
- Tham dự các cuộc họp của HĐQT.
- Giám sát tình hình đầu tư, mua sắm tài sản.

- Giám sát tình hình thực hiện kế hoạch sản xuất kinh doanh của Ban Tổng Giám đốc.

3. Thù lao BKS

Tổng mức thù lao BKS trong năm 2022 là 192 triệu đồng.

II. KẾT QUẢ THỰC HIỆN NGHỊ QUYẾT ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG NĂM 2022

1. Kế hoạch kinh doanh năm 2022

Công ty chưa hoàn thành kế hoạch doanh thu và lợi nhuận năm 2022 mà Đại hội đồng cổ đông đã giao, cụ thể:

- Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ năm 2022 thực hiện được 1.192 tỷ đồng, đạt 88,31% so với kế hoạch năm 2022, và đạt 105,51% so với thực hiện năm 2021.
- Tổng lợi nhuận trước thuế năm 2022 đạt 64,79 tỷ đồng, tương ứng đạt 64,79% so với kế hoạch năm 2022, và đạt 266,96% so với thực hiện năm 2021.

Bảng 01: Tình hình thực hiện các chỉ tiêu kinh tế chủ yếu năm 2022

Đơn vị tính: ngàn đồng

CHỈ TIÊU	2021	Năm 2022		So sánh TH 2022 với:	
		KH 2022	TH 2022	2021	KH 2022
1. Doanh thu BH và CCDV	1.129.846.567	1.350.000.000	1.192.145.683	105,51%	88,31%
2. Giá vốn hàng bán	920.124.782		843.394.340		
3. Lợi nhuận gộp BH và CCDV	209.721.785		348.751.343		
4. Doanh thu hoạt động tài chính	14.817.302		17.498.739		
5. Chi phí tài chính	2.909.544		17.893.214		
- Trong đó: Chi phí lãi vay	620.409		3.698.359		
6. Lãi lỗ trong Cty liên doanh, LK	-		-		
7. Chi phí bán hàng	77.610.917		151.444.200		
8. Chi phí quản lý doanh nghiệp	126.987.933		130.173.735		
9. Lợi nhuận thuần từ HĐKD	17.030.693		66.738.933		
10. Thu nhập khác	7.439.789		488.373		
11. Chi phí khác	201.521		2.439.962		
12. Lợi nhuận khác	7.238.268		(1.951.589)		
13. Tổng lợi nhuận trước thuế	24.268.961	100.000.000	64.787.344	266,96%	64,79%

Nguồn: Báo cáo kiểm toán hợp nhất 2022

2. Chọn Công ty kiểm toán

Căn cứ ủy quyền của Đại hội đồng cổ đông tại Nghị quyết ngày 29/04/2022, Hội đồng quản trị đã chọn Công ty TNHH Kiểm toán và Dịch vụ tin học Tp.HCM (AISC) làm đơn vị thực hiện kiểm toán Báo cáo tài chính cho năm 2022 cho Công ty.

3. Chi trả cổ tức

Đại hội đồng cổ đông thường niên ngày 29/04/2022 đã thông qua mức chi trả cổ tức cho năm tài chính 2021 là 8% (*Tám phần trăm*) bằng tiền mặt. Theo đó, Hội đồng quản trị đã thông báo chốt danh sách cổ đông hưởng quyền nhận cổ tức vào ngày 31/05/2022, và thời gian thực hiện chi trả là ngày 10/06/2022.

III. KẾT QUẢ THẨM TRA BÁO CÁO TÀI CHÍNH 31/12/2022

Báo cáo tài chính năm 2022 của Công ty đã thực hiện đúng theo hướng dẫn về chế độ kế toán, phù hợp với các quy định hiện hành, đồng thời phản ánh trung thực, hợp lý các khía cạnh trọng yếu về tình hình tài chính của Công ty tại ngày 31/12/2022.

1. Tình hình tài sản*Bảng 02: Tình hình tài sản 31/12/2022**Đơn vị tính: ngàn đồng*

CHỈ TIÊU	31-12-2021		31-12-2022		Tăng giảm
	Giá trị	%	Giá trị	%	
TỔNG TÀI SẢN	1.628.313.182	100,00%	1.620.433.955	100,00%	-7.879.227
I. Tài sản ngắn hạn	852.901.530	52,38%	879.002.636	54,24%	26.101.106
1. Tiền	49.167.214	3,02%	62.011.607	3,83%	12.844.393
2. Các khoản đầu tư TC ngắn hạn	255.946.711	15,72%	70.946.711	4,38%	-185.000.000
- Chứng khoán kinh doanh	10.946.711	0,67%	10.946.711	0,68%	0
- Dự phòng đầu tư chứng khoán	0	0,00%	0	0,00%	0
- Đầu tư nắm giữ tới ngày đáo hạn	245.000.000	15,05%	60.000.000	3,70%	-185.000.000
3. Các khoản phải thu	183.201.385	11,25%	90.638.130	5,59%	-92.563.255
- Phải thu khách hàng	119.443.856	7,34%	112.705.286	6,96%	-6.738.570
- Trả trước cho người bán	91.317.653	5,61%	11.253.787	0,69%	-80.063.866
- Các khoản phải thu khác	1.088.002	0,07%	1.239.812	0,08%	151.809
- Dự phòng phải thu khó đòi	-28.648.127		-34.560.756	-2,13%	-5.912.629
4. Hàng tồn kho	350.350.667	21,52%	638.455.198	39,40%	288.104.532
5. Tài sản ngắn hạn khác	14.235.554	0,87%	16.950.990	1,05%	2.715.436
- Chi phí trả trước ngắn hạn	2.740.715	0,17%	2.858.110	0,18%	117.395
- Thuế GTGT được khấu trừ	9.232.064	0,57%	13.429.530	0,83%	4.197.467
- Thuế & các khoản phải thu NN	2.262.775	0,14%	663.349	0,04%	-1.599.426
- Tài sản ngắn hạn khác	0	0,00%	0	0,00%	0
II. Tài sản dài hạn	775.411.652	47,62%	741.431.319	45,76%	-33.980.333
1. Các khoản phải thu DH		0,00%		0,00%	0
2. Tài sản cố định	749.476.298	46,03%	713.615.639	44,04%	-35.860.660
- TSCĐ hữu hình	740.262.037	45,46%	705.152.928	43,52%	-35.109.109
- TSCĐ thuê tài chính	0	0,00%	0	0,00%	0
- TSCĐ vô hình	9.214.261	0,57%	8.462.711	0,52%	-751.550
3. Bất động sản đầu tư				0,00%	0
4. Tài sản dở dang dài hạn	39.150	0,00%	27.258	0,00%	-11.891
5. Đầu tư tài chính dài hạn	24.068.960	1,48%	24.068.960	1,49%	0
- Đầu tư vào công ty con	0	0,00%	0	0,00%	0
- Đầu tư vào công ty LD, liên kết	0	0,00%	0	0,00%	0
- Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	24.068.960	1,48%	24.068.960	1,49%	0
- Dự phòng đầu tư tài chính dài hạn	0	0,00%	0	0,00%	0
6. Tài sản dài hạn khác	1.827.244	0,11%	3.719.462	0,23%	1.892.218
- Chi phí trả trước dài hạn	1.827.244	0,11%	3.719.462	0,23%	1.892.218

Nguồn: Báo cáo kiểm toán hợp nhất 2022

Tổng tài sản cuối năm 2022 giảm 7,9 tỷ đồng, trong đó:

- Tài sản ngắn hạn tăng 26,1 tỷ đồng. Các khoản mục có sự thay đổi lớn gồm: Các khoản tiền gửi ngắn hạn giảm mạnh 185 tỷ đồng, Các khoản phải thu giảm 92,6 tỷ đồng, Hàng tồn kho tăng mạnh 288 tỷ đồng.
- Tài sản dài hạn giảm 34 tỷ đồng. Chủ yếu là do mua sắm Tài sản cố định và trích khấu hao Tài sản cố định trong năm.

2. Tình hình nguồn vốn

Bảng 03: Tình hình nguồn vốn 31/12/2022

Đơn vị tính: ngàn đồng

CHỈ TIÊU	31-12-2021		31-12-2022		Tăng giảm
	Giá trị	%	Giá trị	%	
TỔNG NGUỒN VỐN	1.628.313.182	100,00%	1.620.433.955	100,00%	-7.879.227
I. Nợ phải trả	379.260.703	23,29%	352.785.575	21,77%	-26.475.128
1. Nợ ngắn hạn	231.698.845	14,23%	199.825.109	12,33%	-31.873.736
- Vay và nợ ngắn hạn	0		0	0,00%	0
- Phải trả người bán	75.752.806	4,65%	77.587.525	4,79%	1.834.719
- Người mua trả trước	21.664.650	1,33%	34.278.047	2,12%	12.613.397
- Thuế và các khoản phải nộp NN	4.536.256	0,28%	18.014.727	1,11%	13.478.471
- Phải trả Người lao động	14.320.541	0,88%	24.626.626	1,52%	10.306.085
- Chi phí phải trả ngắn hạn	3.946.140		338.318	0,02%	-3.607.822
- Phải trả nội bộ ngắn hạn	0		0	0,00%	0
- Phải trả theo tiến độ KHHĐXD	0		0	0,00%	0
- Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn	0	0,00%	0	0,00%	0
- Phải trả ngắn hạn khác	28.811.080	1,77%	28.923.161	1,78%	112.081
- Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	73.573.200		8.010.240	0,49%	-65.562.960
- Dự phòng phải trả ngắn hạn	0		0	0,00%	0
- Quỹ khen thưởng, phúc lợi	9.094.172	0,56%	8.046.466	0,50%	-1.047.706
2. Nợ dài hạn	147.561.858	9,06%	152.960.466	9,44%	5.398.608
- Phải trả người bán dài hạn	0		0	0,00%	0
- Người mua trả tiền trước dài hạn	0		0	0,00%	0
- Chi phí phải trả dài hạn	0		0	0,00%	0
- Phải trả nội bộ về vốn kinh doanh	0		0	0,00%	0
- Phải trả nội bộ dài hạn	0		0	0,00%	0
- Doanh thu chưa thực hiện dài hạn	135.908.625	8,35%	152.960.466	9,44%	17.051.841
- Dự phòng phải trả dài hạn	0	0,00%	0	0,00%	0
- Vay và nợ thuê tài chính dài hạn	11.653.233	0,72%	0	0,00%	-11.653.233
II. Nguồn vốn chủ sở hữu	1.249.052.479	76,71%	1.267.648.380	78,23%	18.595.901
1. Vốn chủ sở hữu	1.249.052.479	76,71%	1.267.648.380	78,23%	18.595.901
- Vốn góp của chủ sở hữu	255.458.670	15,69%	255.458.670	15,76%	0
- Thặng dư vốn cổ phần	409.789.114	25,17%	409.789.114	25,29%	0
- Cổ phiếu quỹ	-14.487.151	-0,89%	-14.487.151	-0,89%	0
- Quỹ đầu tư phát triển	573.322.804	35,21%	574.559.028	35,46%	1.236.223
- Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	0	0,00%	0	0,00%	0
- Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	24.969.041	1,53%	42.328.719	2,61%	17.359.677
2. Nguồn kinh phí và quỹ khác	0	0,00%	0	0,00%	0
- Nguồn kinh phí	0	0,00%	0	0,00%	0

Nguồn: Báo cáo kiểm toán hợp nhất 2022

So với cùng kỳ năm 2021, tổng nguồn vốn cuối năm 2022 cũng tăng tương ứng 7,9 tỷ đồng, trong đó:

- Nợ phải trả giảm 26,5 tỷ đồng. Trong đó, Nợ ngắn hạn giảm 31,9 tỷ đồng, Nợ dài hạn tăng 5,4 tỷ đồng. Chủ yếu là giảm mạnh các khoản vay và nợ thuê tài chính có trả lãi (ngắn hạn giảm 65,6 tỷ đồng, dài hạn giảm 11,7 tỷ đồng), và tăng doanh thu chưa thực hiện dài hạn hoạt động Ngân hàng Tê bào gốc 17 tỷ đồng.
- Nguồn vốn chủ sở hữu tăng 18,6 tỷ đồng, do tăng lợi nhuận sau thuế chưa phân phối.

3. Tình hình đầu tư tại doanh nghiệp

3.1. Đầu tư tài sản cố định:

Nguyên giá tài sản cố định năm 2022 được ghi nhận tăng thêm 12,19 tỷ đồng, trong đó:

- Mua sắm máy móc thiết bị và khác: 11,05 tỷ đồng. Bao gồm: Máy vô nang tự động, Máy nghiền trục ngang, Máy biến áp, Thiết bị lấy mẫu vi sinh, Máy lạnh, Máy ĐHKK Sky Air đứng, Hệ thống đo bụi,...
- Phương tiện vận tải: 1,11 tỷ đồng (02 xe ô tô tải ISUZU).

Bảng 04: Tình hình tài sản cố định 31/12/2022

Đơn vị tính: ngàn đồng

Tình hình tăng giảm tài sản cố định	Giá trị 31/12/2021	Tăng trong kỳ	Giảm trong kỳ	Giá trị 31/12/2022
Tài sản cố định	749.476.298	-35.860.659	0	713.615.639
1. Tài sản cố định hữu hình	740.262.037	-35.109.109	0	705.152.928
+ Nguyên giá	1.020.220.926	12.191.231	2.967.739	1.029.444.418
+ Hao mòn TSCĐ hữu hình	-279.958.889	-47.300.340	-2.967.739	-324.291.490
2. Tài sản cố định vô hình	9.214.261	-751.550	0	8.462.711
+ Nguyên giá	13.507.253		0	13.507.253
+ Hao mòn TSCĐ vô hình	-4.292.992	-751.550	0	-5.044.542

Nguồn: Báo cáo kiểm toán hợp nhất 2022

3.2. Đầu tư tài chính ra ngoài doanh nghiệp (Công ty mẹ):

Bảng 05: Tình hình đầu tư ra ngoài 31/12/2022

Đơn vị tính: ngàn đồng

Tình hình tăng giảm các khoản đầu tư tài chính	Giá trị 31/12/2021	Tăng trong kỳ	Giảm trong kỳ	Giá trị 31/12/2022
Đầu tư	1.040.103.853	-45.330.817	185.000.000	809.773.036
1. Đầu tư ngắn hạn	255.946.711	0	185.000.000	70.946.711
a. Chứng khoán kinh doanh	10.946.711	0	0	10.946.711
- CTCP DPTƯ Vidipha	4.070.000	0	0	4.070.000
- CTCP Bao bì Dược	6.635.250	0	0	6.635.250
- CTCP Dược phẩm OPC	241.461	0	0	241.461
b. Tiền gửi có kỳ hạn Ngân hàng	245.000.000	0	185.000.000	60.000.000
- Tiền gửi Ngân hàng	245.000.000	0	185.000.000	60.000.000
2. Đầu tư dài hạn	784.157.142	-45.330.817	0	738.826.325

Tình hình tăng giảm các khoản đầu tư tài chính	Giá trị 31/12/2021	Tăng trong kỳ	Giảm trong kỳ	Giá trị 31/12/2022
a. Đầu tư vào Công ty con	900.000.000	0	0	900.000.000
- Mekophar BP	900.000.000	0	0	900.000.000
b. Đầu tư liên doanh, liên kết	0	0	0	0
c. Đầu tư vào đơn vị khác	24.068.960	0	-	24.068.960
- Bệnh viện An Sinh	18.518.960	0	0	18.518.960
- Công ty TNHH Orchids	5.550.000	0	0	5.550.000
d. Dự phòng đầu tư dài hạn	-139.911.818	-45.330.817	0	-185.242.635

Nguồn: Báo cáo kiểm toán công ty mẹ và hợp nhất 2022

Trong năm, do Tiền gửi có kỳ hạn ngân hàng giảm 185 tỷ đồng nên Lãi tiền gửi thu được chỉ còn 7,66 tỷ đồng, giảm mạnh so với năm 2021 là 12,4 tỷ đồng. Cổ tức, lợi nhuận được chia từ chứng khoán kinh doanh là 702,5 triệu đồng. Lãi được chia từ khoản đầu tư vào Công ty TNHH Bệnh Viện Đa Khoa An Sinh năm 2022 là 5,53 tỷ đồng.

Năm 2022, Doanh thu Công ty Mekophar BP (Công ty con MKP sở hữu 100% vốn) mặc dù tăng trưởng 131,88% so với năm 2021 nhưng số tuyệt đối đạt ở mức 22,2 tỷ đồng thì vẫn còn quá thấp so với quy mô của Công ty nên Mekophar BP vẫn tiếp tục lỗ 45,33 tỷ đồng. Lũy kế dự phòng giảm giá đầu tư vào công ty con mà Công ty mẹ Mekophar đã trích lập đến 31/12/2022 đạt 185,2 tỷ đồng.

4. Tình hình doanh thu, chi phí

4.1. Doanh thu:

Doanh thu thuần bán hàng và cung cấp dịch vụ năm 2022 tăng 62,3 tỷ đồng, tương đương tỷ lệ 105,51% so với năm 2021. Trong đó biến động nhiều nhất là Doanh thu thành phẩm, Doanh thu bán hàng hóa và Doanh thu cho thuê mặt bằng, chi tiết như sau:

- Doanh thu Thành phẩm tăng 449,7 tỷ đồng, mức tăng 77,12%.
- Doanh thu Bán hàng hóa giảm 388,6 tỷ đồng, mức giảm 82,26%.
- Doanh thu cho thuê mặt bằng tăng 4,4 tỷ đồng, mức tăng 52,81%.

Bảng 06: Cơ cấu doanh thu năm 2022

Đơn vị tính: ngàn đồng

Doanh thu	2021	Tỷ trọng	2022	Tỷ trọng	2022/2021
DTBH và CCDV	1.129.846.567	98,07%	1.192.145.683	98,51%	105,51%
Thành phẩm	583.074.836	50,61%	1.032.746.514	85,34%	177,12%
Bán hàng hóa	472.411.801	41,00%	83.803.641	6,93%	17,74%
Dịch vụ NH tế bào gốc	62.260.103	5,40%	59.432.121	4,91%	95,46%
Bán vật tư	3.731.467	0,32%	3.375.407	0,28%	90,46%
Cho thuê mặt bằng	8.368.360	0,73%	12.788.000	1,06%	152,81%
DT Tài chính	14.817.302	1,29%	17.498.739	1,45%	118,10%
Thu nhập khác	7.439.789	0,65%	488.373	0,04%	6,56%
Tổng cộng	1.152.103.658	100,00%	1.210.132.795	100,00%	105,04%

Nguồn: Báo cáo kiểm toán hợp nhất 2022

4.2. Chi phí:

Tỷ trọng Tổng các khoản mục chi phí trên Doanh thu thuần năm 2022 đạt mức 95,87%, giảm 3,93% so với năm 2021 (Bảng 07). Trong đó:

- Giá vốn hàng bán trên Doanh thu thuần năm 2022 là 70,75%, giảm mạnh 10,69% so với mức 81,44% của năm 2021. Chủ yếu là do có sự thay đổi mạnh trong cơ cấu doanh thu Thành phẩm và doanh thu Bán hàng hóa năm 2022 so với năm 2021 (năm 2021 doanh thu Thành phẩm và Bán hàng hóa chiếm tỷ trọng tương ứng là 50,61% và 41%, năm 2022 tỷ trọng tương ứng là 85,34% và 6,93%).
- Chi phí bán hàng năm 2022 là 151,4 tỷ đồng, đạt tỷ lệ 12,7% trên Doanh thu thuần, tăng gần gấp đôi Chi phí bán hàng năm 2021 là 77,6 tỷ đồng, tỷ lệ tương ứng trên Doanh thu thuần là 6,87%. Do Doanh thu Thành phẩm tăng mạnh nên chi phí hoa hồng bán hàng, chi phí dịch vụ mua ngoài, và chi phí vận chuyển để hỗ trợ công tác bán hàng cũng tăng tương ứng (mức tăng tương ứng là 208,51%, 79,68%, 31.35%).
- Chi phí quản lý DN năm 2022 là 130,2 tỷ đồng, tỷ lệ trên Doanh thu thuần năm 2022 là 10,92%, giảm nhẹ 0,32% so với tỷ lệ này của năm 2021.
- Chi phí tài chính năm 2022 là 17,9 tỷ đồng, tỷ lệ trên Doanh thu thuần là 1,5%, tăng mạnh so với mức 2,9 tỷ đồng của năm 2021, tỷ lệ tương ứng trên Doanh thu là 0,26%. Chủ yếu do Lỗ chênh lệch tỷ giá, và Lãi tiền vay tăng.

Bảng 07: Tỷ trọng các loại chi phí trên Doanh thu thuần năm 2022

Đơn vị tính: %

Chỉ tiêu	2020	2021	2022	2022-2021
Giá vốn hàng bán	78,71%	81,44%	70,75%	-10,69%
Chi phí bán hàng	6,73%	6,87%	12,70%	5,83%
Chi phí quản lý DN	10,66%	11,24%	10,92%	-0,32%
Chi phí tài chính	0,18%	0,26%	1,50%	1,24%
Tổng cộng	96,28%	99,80%	95,87%	-3,93%

5. Các chỉ tiêu tài chính

Năm 2022, mặc dù Công ty tiếp tục ghi nhận thêm 45,3 tỷ Dự phòng đầu tư dài hạn (Lỗ tại Công ty con Mekophar BP) nhưng việc gia tăng tỷ trọng Doanh thu Thành phẩm có tỷ lệ lợi nhuận biên cao, và giảm tỷ trọng Doanh thu Bán hàng hóa có tỷ lệ lợi nhuận biên thấp làm Lợi nhuận gộp biên của Công ty tăng mạnh từ mức 18,56% năm 2021 lên mức 29,25% năm 2022 dẫn đến các chỉ số về khả năng sinh lời có sự thay đổi tích cực, cụ thể:

- Khả năng thanh toán của doanh nghiệp (ngắn hạn và nhanh) tương đối tốt (>1). Tuy nhiên, do Hàng tồn kho tăng mạnh so với năm 2021 (mức tăng 82,23%, từ 350,4 tỷ đồng năm 2021 lên 638,5 tỷ đồng năm 2022) và các khoản tiền gửi ngắn hạn ngân hàng giảm 185 tỷ đồng so với năm 2021 nên mặc dù hệ số thanh toán ngắn hạn tăng nhưng hệ số thanh toán nhanh lại giảm.
- Cơ cấu vốn khá an toàn với Hệ số nợ/ Tổng tài sản duy trì ở mức thấp (0,22).
- Các chỉ số về năng lực hoạt động: ngoại trừ hàng tồn kho tăng mạnh làm các chỉ tiêu hoạt động liên quan đến hàng tồn kho năm 2022 kém hơn so với năm 2021, thì các chỉ tiêu hoạt động còn lại liên quan đến các khoản phải thu, các khoản phải trả, tài

sản năm 2022 đều tốt hơn so với năm 2021.

- Lợi nhuận sau thuế năm 2022 đạt 41,7 tỷ đồng tăng 162,86% so với mức 15,9 tỷ đồng của năm 2021 nên các chỉ tiêu về khả năng sinh lời năm 2022 có sự cải thiện đáng kể so với năm 2021.
- Lãi cơ bản trên cổ phiếu năm 2022 đạt 1.650 đồng, tăng 150,9% so với mức 658 đồng của năm 2021.

Bảng 09: Các chỉ tiêu tài chính 31/12/2022

Chỉ tiêu	2021	2022	Ghi chú
1. Chỉ tiêu về khả năng thanh toán			
- Hệ số thanh toán ngắn hạn: TSLĐ/Nợ ngắn hạn	3,68	4,40	lần
- Hệ số thanh toán nhanh: (TSLĐ - Hàng tồn kho)/Nợ ngắn hạn	2,17	1,20	lần
2. Chỉ tiêu về cơ cấu vốn			
- Hệ số nợ/Tổng tài sản:	0,23	0,22	lần
- Vốn chủ sở hữu/Tổng tài sản:	0,77	0,78	lần
3. Chỉ tiêu về năng lực hoạt động			
- Vòng quay tổng tài sản	0,69	0,74	vòng
- Vòng quay tài sản cố định	1,51	1,67	vòng
- Vòng quay vốn lưu động	1,32	1,36	vòng
- Vòng quay các khoản phải thu	6,17	13,15	vòng
- Số ngày phải thu bình quân	59,18	27,75	ngày
- Vòng quay các khoản phải trả	4,88	5,97	vòng
- Số ngày phải trả bình quân	74,85	61,18	ngày
- Vòng quay hàng tồn kho: GVHB/Hàng tồn kho bình quân	3,11	1,71	vòng
- Số ngày tồn kho bình quân	117,45	213,97	ngày
4. Chỉ tiêu về khả năng sinh lợi			
- Hệ số LNST/Doanh thu thuần	1,40	3,50	%
- Hệ số LNST/Tổng tài sản	0,97	2,57	%
- Hệ số LNST/Vốn chủ sở hữu	1,27	3,29	%
- Hệ số lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh/Doanh thu thuần	1,51	5,60	%
5. Chỉ tiêu liên quan đến cổ phần (MG: 10.000đ/CP)			
- Lãi cơ bản trên mỗi cổ phiếu	658	1.650	đồng
- Giá trị sổ sách một cổ phần	49.067	49.833	đồng

(*): Lãi cơ bản trên mỗi cổ phiếu năm 2022 nêu trên chưa được tính trừ phần Quỹ khen thưởng, phúc lợi được trích trong năm.

Nguồn: Báo cáo kiểm toán hợp nhất 2022

IV. KẾT QUẢ GIÁM SÁT ĐỐI VỚI HĐQT, BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

1. Kết quả giám sát đối với HĐQT

Hội đồng quản trị chỉ đạo tổ chức thực hiện nghị quyết Đại hội đồng cổ đông một cách quyết liệt, tuân thủ quy định pháp luật và Điều lệ công ty, đáp ứng kịp thời với yêu cầu cho hoạt động sản xuất kinh doanh của công ty.

Các cuộc họp của Hội đồng quản trị được tổ chức đúng quy định. Trong năm 2022, Hội

đồng quản trị đã tổ chức 05 phiên họp, các Nghị quyết, Quyết định được thông qua với sự thống nhất cao của các thành viên, và được ban hành đúng trình tự, đúng thẩm quyền và phù hợp với quy định của pháp luật và Công ty.

2. Kết quả giám sát đối với Ban TGD

Với tình hình vĩ mô trong nước và quốc tế còn nhiều khó khăn, Ban Tổng Giám đốc đã luôn chủ động, linh hoạt trong công tác quản lý, điều hành, đã tập trung tổ chức triển khai nhiệm vụ, kế hoạch hoạt động sản xuất kinh doanh năm 2022 theo đúng tin thần Nghị quyết ĐHĐCD và Nghị quyết, Quyết định của HĐQT.

Pháp luật, Điều lệ, các Quy chế quản trị trong quản lý, điều hành hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty được Ban Tổng Giám đốc nghiêm túc tuân thủ.

V. BÁO CÁO ĐÁNH GIÁ SỰ PHỐI HỢP HOẠT ĐỘNG GIỮA BAN KIỂM SOÁT VỚI HĐQT, TỔNG GIÁM ĐỐC VÀ CỔ ĐÔNG

Ban kiểm soát được Hội đồng quản trị, Ban Tổng Giám đốc và các Phòng ban, bộ phận chức năng của Công ty phối hợp, tạo điều kiện thuận lợi trong việc cập nhật tình hình hoạt động sản xuất kinh doanh, cũng như trong việc thu thập thông tin, tài liệu phục vụ công tác kiểm tra, giám sát.

Trong kỳ Ban kiểm soát không nhận được bất kỳ đơn thư yêu cầu hay khiếu nại nào từ cổ đông theo quy định tại Luật Doanh nghiệp và Điều lệ Công ty.

Công tác công bố thông tin của Công ty được thực hiện nghiêm túc, đảm bảo thông tin đến cổ đông một cách kịp thời, đầy đủ theo đúng quy định.

VI. NHẬN XÉT VÀ KIẾN NGHỊ

Năm 2022, Công ty không hoàn thành kế hoạch doanh thu và lợi nhuận mà Đại hội đồng cổ đông giao. Cụ thể, doanh thu đạt 88,31% và lợi nhuận trước thuế đạt 64,79% so với kế hoạch năm 2022.

Tuy nhiên, trong môi trường kinh doanh năm 2022 với nhiều khó khăn và phức tạp, kết quả đạt được của năm 2022 nêu trên là khá tích cực so với năm 2021, BKS ghi nhận sự phối hợp chặt chẽ, triển khai quyết liệt những nhiệm vụ được Đại hội đồng cổ đông thông qua của Hội đồng quản trị và Ban Tổng Giám đốc, sự nỗ lực hoàn thành nhiệm vụ của toàn thể CBCNV Công ty.

Bên cạnh đó, qua xem xét, đánh giá, và giám sát tình hình hoạt động của Công ty trong năm tài chính 2022, Ban kiểm soát xin có một số nội dung kiến nghị và lưu ý như sau:

- Việc thay đổi cơ cấu doanh thu, cụ thể là việc gia tăng tỷ trọng Doanh thu Thành phẩm có tỷ lệ lợi nhuận biên cao, và giảm tỷ trọng Doanh thu Bán hàng hóa có tỷ lệ lợi nhuận biên thấp mặc dù đã góp phần làm tăng đáng kể Lợi nhuận gộp biên của Công ty, tuy nhiên, Công ty cần chú trọng công tác quản trị hàng tồn kho (đặc biệt là tồn kho nguyên liệu và thành phẩm liên quan đến thuốc Covid-19), và quản trị chi phí bán hàng có mức tăng khá lớn so với năm 2021.
- Mekophar BP tiếp tục lỗ, và không có dấu hiệu ngừng lỗ nếu chỉ trông chờ vào kế hoạch đặt hàng của Đối tác chiến lược Nipro (theo dự kiến thì kế hoạch đặt hàng năm 2023 giảm khoảng 50% so với thực hiện năm 2022). Đề nghị Hội đồng quản trị, Ban Tổng Giám đốc nghiêm túc đánh giá lại vai trò của Đối tác chiến lược Nipro

trong kế hoạch hợp tác giữa hai bên để có giải pháp thật sự tích cực cho Nhà máy tại Quận 9 trong thời gian tới.

- Công tác đăng ký thuốc, đặc biệt là số sản xuất cho các mặt hàng truyền thống là thế mạnh của Công ty cần được đặc biệt quan tâm.

Trên đây là Báo cáo hoạt động của Ban Kiểm soát cho năm tài chính 2022, kính trình Đại hội đồng cổ đông xem xét và thông qua.

Ban kiểm soát rất mong nhận được những góp ý chân thành của quý vị Cổ đông để giúp Ban kiểm soát thực hiện tốt nhiệm vụ của mình.

Ban Kiểm soát xin kính chúc quý vị Cổ đông, quý Đại biểu, Ban Điều hành và toàn thể CBCNV Công ty nhiều sức khỏe, thành công.

Trân trọng,

BAN KIỂM SOÁT



Nguyễn Viết Luận



Trần Trung Ngôn



Nguyễn Bá Khoa